

Số: ~~764~~/QĐ-ĐNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định so chuẩn và đối sánh chất lượng giáo dục của
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 616/TTg ngày 26/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí – Bảo đảm chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy định so chuẩn và đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị trực thuộc Trường và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, P.KT-BĐCLGD.



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
TS. Nguyễn Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

So chuẩn và đối sánh chất lượng giáo dục của
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-ĐNT ngày 18 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về hoạt động so chuẩn và đối sánh chất lượng giáo dục, quy trình thực hiện so chuẩn và đối sánh của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Trường) theo những yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

2. Văn bản này được áp dụng để so chuẩn và đối sánh chất lượng cho các khoa và đơn vị gồm phòng, trung tâm, viện, thư viện (sau đây gọi tắt là đơn vị) tại Trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. So chuẩn là hoạt động so sánh kết quả hoạt động thực tế của Trường hoặc kết quả chất lượng thực tế của chương trình đào tạo với yêu cầu cần đạt được theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng;

2. Đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh chất lượng các hoạt động của Trường với cơ sở giáo dục đại học khác hoặc chất lượng chương trình đào tạo của Trường với chương trình đào tạo khác được lựa chọn phù hợp từ so chuẩn.

Điều 3. Mục đích

1. Việc so chuẩn, đối sánh được thực hiện nhằm đánh giá được thực trạng chất lượng các hoạt động của Trường và các chương trình đào tạo của Trường. Từ đó, Trường làm căn cứ để đưa ra các mục tiêu, chỉ tiêu hoặc các giải pháp phù hợp để thực hiện cải tiến chất lượng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng;

2. Kết quả so chuẩn, đối sánh được chia sẻ đến các đơn vị để thực hiện cải tiến. Kết quả so chuẩn và đối sánh được thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác, đầy đủ thông tin theo yêu cầu, các giải pháp cải tiến chất lượng được kiến nghị phải mang tính khả thi.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG, ĐỐI TÁC VÀ QUY TRÌNH ĐỐI SÁNH

Điều 4. Hình thức đối sánh

1. Đối sánh nội bộ là hình thức đối sánh số liệu giữa các đơn vị trong Trường hoặc giữa các chương trình đào tạo trong Trường; đối sánh được thực hiện định kỳ hằng năm;
2. Đối sánh bên ngoài là đối sánh được thực hiện dựa trên các Bộ tiêu chuẩn chất lượng bên ngoài Trường, giữa các Trường/chương trình đào tạo có sự tương đồng trong nước, khu vực và quốc tế; dữ liệu đối sánh phải tương ứng về mặt thời gian; đối sánh được thực hiện định kỳ 2 năm/lần;
3. Khuyến khích lựa chọn các đối tác có chỉ số đối sánh ở mức cao hơn, nhằm tạo động lực cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 5. Nội dung đối sánh

Các số liệu công khai về đội ngũ, hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, tài chính, kết nối, phục vụ cộng đồng (*Phụ lục I*).

Điều 6. Tiêu chí lựa chọn đối tác so chuẩn, đối sánh bên ngoài

1. Các cơ sở giáo dục đại học trong nước được lựa chọn làm đối tác để đối sánh cần có những đặc điểm tương đồng với Trường, đối tác đối sánh đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Các tiêu chí như sau:
 - a) Được công nhận đạt chuẩn chất lượng;
 - b) Thuộc top 50 các trường ĐH trong nước;
 - c) Tương đồng về lĩnh vực, quy mô đào tạo và phạm vi tuyển sinh.

2. Đối với CSGD ngoài nước được lựa chọn là cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc khu vực ASEAN hoặc các cơ sở giáo dục ký thỏa thuận hợp tác với Trường; ưu tiên trường tham gia mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA) hoặc các trường thuộc top 200 trong bảng xếp hạng thế giới, top 100 trong bảng xếp hạng Châu Á; có sự tương đồng về quy mô giảng viên, người học, ngành đào tạo, chuẩn đầu ra.

Điều 7. Quy trình thực hiện đối sánh

1. Đối sánh nội bộ:

Bước 1: Các đơn vị xác định và thực hiện số liệu với các nội dung đối chiếu nội bộ và cần có sự kiểm dò, thống kê, phân tích, đánh giá khi đối chiếu (*Phụ lục II*). Thời hạn hoàn thành: trước tháng 7 hằng năm. Gửi về Phòng Khảo thí – Bảo đảm chất lượng giáo dục (KT-BĐCLGD).

Bước 2: Phòng KT-BĐCLGD tổng hợp, có phân tích và gửi Ban Giám hiệu.

Bước 3: Ban Giám hiệu phê duyệt kết quả.

Bước 4: Tổ chức họp đối sánh và đề xuất cải tiến, hoàn thành trước tháng 9 hằng năm.

Bước 5: Trình Ban Giám hiệu phê duyệt các kế hoạch cải tiến để triển khai thực hiện.

2. Đối sánh ngoài:

Bước 1: Định kỳ 2 năm/lần, các đơn vị xác định đối tác và cách thức thu thập số liệu về nội dung đối sánh, trình Ban Giám hiệu.

Bước 2: Ban Giám hiệu quyết định xem xét quyết định đối tác.

Bước 3: Các đơn vị được giao nhiệm vụ dự thảo văn bản liên hệ với đối tác về việc thực hiện đối sánh ngoài.

Bước 4: Ban Giám hiệu thống nhất, phê duyệt số liệu đối sánh.

Bước 5: Thực hiện đối sánh các nội dung.

Bước 6: Căn cứ kết quả đối sánh, các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến các nội dung cần thiết hoàn thành trước tháng 9, trình Ban Giám hiệu.

Bước 7: Ban Giám hiệu phê duyệt các kế hoạch cải tiến để triển khai thực hiện.

Điều 8. Rà soát, cải tiến

Sau khi hoàn thành thực hiện đối sánh, căn cứ vào kết quả đối sánh và việc sử dụng kết quả, toàn bộ nội dung, đối tác, quy trình thực hiện được rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến khi cần thiết. Quy trình rà soát cải tiến thực hiện như sau:

Bước 1: Phòng KT-BĐCLGD dự thảo báo cáo thực hiện đối sánh, trong đó tập trung lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung, đối tác, quy trình thực hiện đối sánh. Thời hạn hoàn thành: Trong vòng 30 ngày làm việc sau khi thực hiện đối sánh.

Bước 2: Ban Giám hiệu xem xét dự thảo báo cáo, quyết định thời gian tổ chức họp rà soát, cải tiến.

Bước 3: Phòng KT-BĐCLGD là đơn vị đầu mối tổ chức họp thường trực Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục để tổng kết, rà soát, cải tiến về đối sánh, đề ra các nội dung cải tiến.

Bước 4: Triển khai thực hiện các nội dung cải tiến.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Yêu cầu khi thực hiện so chuẩn, đối sánh

1. Bảo mật tất cả các trao đổi thông tin, dữ liệu đối sánh. Các xuất bản, các thông tin liên lạc bên ngoài không được cung cấp khi không có sự cho phép của các đối tác tham gia công tác so chuẩn, đối sánh; không sử dụng thông tin dữ liệu đối sánh mà không có sự đồng ý của các đối tác tham gia; các đơn vị, cá nhân trong Trường không được tự ý cung cấp số liệu đối sánh cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khi chưa được sự đồng ý của Ban Giám hiệu;

2. Trao đổi: Lựa chọn các loại/mức độ thông tin có thể trao đổi được giữa các đối tác đối sánh;

3. Cam kết: Thỏa thuận đối sánh được ký kết bao gồm các vấn đề bảo mật và mức độ thông tin được trao đổi; các thông tin cần được sự đồng ý của Ban Giám hiệu của cả hai Bên;

4. Nguồn báo cáo/dữ liệu đối sánh phải được kiểm tra, rà soát trước khi bắt đầu công tác đối sánh;

5. Nếu phạm vi của hoạt động đối sánh liên quan đến nhiều khu vực (trong và ngoài nước), cần tham khảo, trao đổi và thỏa thuận giữa các Bên trước khi bắt đầu.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm thống nhất, toàn diện đối với công tác so chuẩn và đối sánh chất lượng.

1. Phòng Khảo thí – Bảo đảm chất lượng giáo dục:

a) Đôn đốc các đơn vị thực hiện, thu thập dữ liệu so chuẩn, đối sánh từ các đơn vị, làm cơ sở xây dựng báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Trường;

b) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh từ các đơn vị;

c) Tổng hợp báo cáo so chuẩn, đối sánh của các đơn vị báo cáo Ban Giám hiệu.

2. Các đơn vị trong Trường có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc so chuẩn, đối sánh theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và xây dựng kế hoạch cải tiến.

3. Các đơn vị có liên quan trong việc so chuẩn đối sánh cần chia sẻ và cung cấp thông tin dữ liệu cần thiết cho đơn vị chủ trì thực hiện.

4. Phòng Thanh tra – Pháp chế có trách nhiệm thanh tra – kiểm tra và báo cáo Ban Giám hiệu về việc triển khai các hoạt động so chuẩn, đối sánh.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo bằng văn bản đến Hiệu trưởng hoặc thông qua Phòng KT-BĐCLGD để kiến nghị Trường xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể./.



Phụ lục I

NỘI DUNG SO CHUẨN, ĐỐI SÁNH

(Kèm theo Quyết định số 74/QĐ-ĐNT ngày 18 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

I. NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.	Các chỉ tiêu chiến lược hoàn thành	X	
2.	Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên	X	X
3.	Tỷ lệ giảng viên, cán bộ đáp ứng các tiêu chuẩn của từng vị trí công tác theo quy định	X	
4.	Tỷ lệ giảng viên/sinh viên	X	X
5.	Tỷ lệ nhân viên/sinh viên	X	X
6.	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên	X	X
7.	Tỷ lệ giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm/tổng số giảng viên	X	X
8.	Tỷ lệ giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên/tổng số giảng viên	X	
9.	Tỷ lệ cán bộ, giảng viên, chuyên viên đạt danh hiệu thi đua, khen thưởng trong năm học	X	

II. ĐÀO TẠO

STT	Tiêu chí	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.	Quy mô tuyển sinh; quy mô đào tạo (số lượng, loại hình đào tạo)	X	X
2.	Phương thức tuyển sinh; điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển	X	X
3.	Số ngành đào tạo; ngành mở mới; chương trình đào tạo	X	X
4.	Tỷ lệ các chương trình đào tạo công bố chuẩn đầu ra đúng quy định	X	
5.	Tỷ lệ chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng	X	X
6.	Tỷ lệ sinh viên theo học toàn khóa	X	X
7.	Tỷ lệ sinh viên đạt học lực khá, giỏi	X	
8.	Tỷ lệ sinh viên tham gia ít nhất 01 khóa tập huấn kỹ năng mềm	X	
9.	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn	X	X
10.	Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng đào tạo	X	



III. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

STT	Tiêu chí	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.	Tỷ lệ giảng viên hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học (NCKH)/tổng số giảng viên	X	
2.	Số lượng đề tài NCKH các cấp của cán bộ, giảng viên, người học	X	
3.	Số lượng công bố quốc tế (bài báo ISI/Scopus)/tổng số giảng viên	X	X
4.	Số lượng công bố trong nước (bài báo)/tổng số giảng viên	X	X
5.	Tỷ lệ các đề tài NCKH của giảng viên được đánh giá tốt trở lên	X	X
6.	Tỷ lệ các đề tài có chỉ số tài chính, thị trường được đánh giá cao	X	
7.	Tỷ lệ sinh viên, học viên cao học tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ	X	X
8.	Ngân sách, kinh phí dành cho hoạt động NCKH (tổng và từng hoạt động)	X	X
9.	Quy mô, số lượng các NCKH được thương mại hóa, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sáng tạo khởi nghiệp,...	X	X
10.	Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo được xuất bản trong nước và quốc tế	X	X

IV. HỢP TÁC QUỐC TẾ

STT	Tiêu chí	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.	Quy mô, các lĩnh vực, nội dung hợp tác quốc tế	X	X
2.	Quy mô đào tạo sinh viên quốc tế; số chương trình hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chương trình trao đổi sinh viên, chuyên gia với các đối tác nước ngoài	X	X
3.	Hiệu quả thực hiện các dự án quốc tế đối với Trường và xã hội	X	X
4.	Tỷ lệ phát triển, mở rộng các mối quan hệ với các địa phương, cơ sở giáo dục quốc tế hàng năm	X	X
5.	Tỷ lệ các cam kết, biên bản ghi nhớ được triển khai thực hiện	X	X
6.	Tỷ lệ các kế hoạch hợp tác quốc tế được thực hiện hiệu quả	X	X

RƯỜNG
ĐẠI H
NGŨ
HÀNH
S CH

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tiêu chí	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.	Tỷ lệ diện tích đất/sinh viên	X	
2.	Tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên	X	
3.	Quy mô, diện tích hội trường, phòng đa phương tiện, phòng làm việc	X	X
4.	Số lượng, diện tích, quy mô giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập	X	X
5.	Quy mô, diện tích thư viện; số lượng đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	X	X
6.	Số lượng, diện tích các khu phục vụ ăn uống, phòng chức năng, phòng tự học, phòng nghỉ ngơi cho cán bộ, giảng viên và sinh viên	X	
7.	Hệ thống hạ tầng CNTT: năng lực tính toán, quy mô & số lượng máy tính, kết nối mạng Internet, chất lượng và phạm vi phủ sóng WiFi; hệ thống website của Trường và các đơn vị.	X	X
8.	Quy mô, số lượng và chất lượng phương tiện, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và NCKH	X	X
9.	Diện tích, quy mô, số lượng sân, nhà thể dục, nhà tập đa năng.	X	X
10.	Cơ sở vật chất phục vụ cho người học khuyết tật	X	X

VI. TÀI CHÍNH

STT	Tiêu chí	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.	Nguồn lực tài chính bao gồm các khoản tài trợ	X	
2.	Học phí, lệ phí	X	
3.	Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, học bổng, hỗ trợ tài chính đối với người học theo quy định hiện hành	X	X
4.	Thu, chi ngân sách cho hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, phục vụ cộng đồng	X	
5.	Viện trợ, tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước	X	
6.	Thu từ các hoạt động khác	X	X
7.	Đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, thuế đối với Nhà nước và các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán	X	

VII. KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

STT	Tiêu chí	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.	Tỷ lệ nguồn nhân lực được đào tạo đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và cả nước sau khi tốt nghiệp	X	
2.	Tỷ lệ các đề tài NCKH có đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, cả nước	X	X
3.	Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm về các mối quan hệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	X	X
4.	Số lượng hiến máu nhân đạo hàng năm (đơn vị máu); chương trình tình nguyện (khám chữa bệnh, mùa hè xanh...)	X	X
5.	Số lượng các công trình nhà tình thương, tình nghĩa, quà tặng bằng hiện vật khác	X	X
6.	Loại hình và khối lượng của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng và đóng góp cho xã hội	X	X
7.	Hiệu quả kết nối, hợp tác với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng	X	X
8.	Một số kết quả phục vụ cộng đồng khác	X	





Phụ lục II

MAU BÁO CÁO KẾT QUẢ SO CHUẨN, ĐỐI SÁNH

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐNT ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO

Kết quả so chuẩn, đối sánh tiêu chí hoạt động của đơn vị

1. Tóm tắt quá trình thực hiện

Trình bày ngắn gọn quá trình tổng hợp thông tin, thực hiện so chuẩn

2. Kết quả theo các tiêu chí, tiêu chuẩn

2.1 Kết quả

STT	Nội dung	Đơn vị	Đối tác		Kết quả (+; =; -)
			Tên đối tác	Số liệu/Dữ liệu	
1.					
2.					
...					

Ghi chú: Dấu cộng (+) trước tỷ lệ, đối tượng,... chỉ độ lệch của đơn vị cao hơn đối tác;
Dấu trừ (-) chỉ độ lệch về hiệu quả thấp hơn; Dấu bằng (=) là tương đương.

2.2 Giải thích kết quả/Vẽ biểu đồ

.....
.....

3. Đề xuất giải pháp cải tiến

- Căn cứ kết quả so chuẩn, đối sánh, đơn vị đề xuất các biện pháp cải tiến cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đối với hoạt động của Trường còn thấp so với kết quả đối sánh với các trường đại học đạt chất lượng trong nước và quốc tế;

- Các biện pháp cải tiến cụ thể kèm theo nguồn lực, thời gian thực hiện, phân công đơn vị/cá nhân thực hiện và kết quả dự kiến;

- Các đề xuất khác.

4. Kiến nghị

.....
.....

(Minh chứng kèm theo: Số liệu, báo cáo, ...)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]